

KẾT QUẢ ĐIỂM THI
SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐỢT 1, NĂM 2026 - LẦN 3 (THI LẠI)

Ngày thi: ngày 03/7/2026.

Địa điểm thi: Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp - Số 156/109 Trường Chinh, Cụm CN Đồng Hoà, Phường Kiến An, thành phố Hải Phòng

STT	SBD	Họ và tên	Nơi sinh	Số điểm môn kiến thức cơ sở lần 1	Điểm thi KTCs (sau thi lại)	Số điểm môn kiến thức chuyên môn lần 1	Điểm thi KTCM (sau thi lại)	KẾT QUẢ	Ghi chú
1	5	Lê Công Tuấn Anh	Thành phố Hà Nội	50	59	79	79	Không đạt	
2	6	Phùng Lan Anh	Tỉnh Ninh Bình	50	65	68	76	Không đạt	
3	11	Lập Tùy Anh	Thành phố Hải Phòng	65	76	79	79	Đạt	
4	14	Đặng Thị Vân Anh	Thành phố Hải Phòng	74	74	69	69	Không đạt	
5	15	Trần Tuấn Anh	Thành phố Hải Phòng	61	62	81	81	Không đạt	
6	30	Trần Nam Anh	Thành phố Hà Nội	57	100	62	90	Đạt	
7	33	Vì Thị Bách	Tỉnh Lạng Sơn	60	79	84	84	Đạt	
8	35	Đào Thị Bích	Thành phố Hải Phòng	64	94	94	94	Đạt	
9	37	Vũ Thành Bính	Thành phố Hải Phòng	62	87	74	74	Đạt	
10	38	Phạm Ngọc Bình	Thành phố Hải Phòng	45	45	83	83	Bỏ thi	Bỏ thi
11	43	Nguyễn Đức Cảnh	Tỉnh Ninh Bình	66	90	90	90	Đạt	
12	45	Lê Thị Chiêm	Thành phố Hải Phòng	69	84	82	82	Đạt	
13	46	Phạm Thế Chinh	Thành phố Hải Phòng	68	89	90	90	Đạt	
14	47	Lê Thị Chinh	Tỉnh Bắc Ninh	62	88	78	78	Đạt	
15	49	Đào Ngọc Chung	Thành phố Hà Nội	59	86	76	76	Đạt	
16	52	Phan Thanh Chương	Thành phố Hải Phòng	69	95	94	94	Đạt	
17	53	Nguyễn Phú Cường	Thành phố Hải Phòng	42	42	50	50	Bỏ thi	Bỏ thi
18	55	Hà Thị Đạo	Tỉnh Thanh Hoá	61	96	69	96	Đạt	
19	57	Mai Như Điền	Tỉnh Ninh Bình	56	94	67	91	Đạt	
20	58	Ngô Vũ Thanh Diệp	Tỉnh Lạng Sơn	66	96	78	78	Đạt	

21	64	Trần Thị Doanh	Tỉnh Hưng Yên	65	96	91	91	Đạt	
22	65	Nguyễn Văn Đông	Thành phố Hà Nội	58	96	91	91	Đạt	
23	66	Nguyễn Đình Đông	Thành phố Hải Phòng	62	88	79	79	Đạt	
24	67	Lê Đình Dự	Tỉnh Thanh Hoá	56	96	76	76	Đạt	
25	69	Lưu Quang Đức	Thành phố Hải Phòng	61	82	84	84	Đạt	
26	70	Nguyễn Hữu Đức	Thành phố Hà Nội	59	84	78	78	Đạt	
27	71	Cao Việt Đức	Tỉnh Đắk Lắk	60	92	79	79	Đạt	
28	74	Nguyễn Thị Kiều Dung	Thành phố Hà Nội	66	72	80	80	Đạt	
29	75	Lê Thị Kim Dung	Thành phố Hải Phòng	52	88	93	93	Đạt	
30	77	Trần Thuý Dung	Thành phố Hải Phòng	50	84	86	86	Đạt	
31	81	Nguyễn Văn Dũng	Thành phố Hà Nội	48	52	70	70	Không đạt	
32	87	Lê Anh Dũng	Thành Phố Hà Nội	65	92	93	93	Đạt	
33	89	Vũ Đình Dũng	Tỉnh Ninh Bình	68	92	83	83	Đạt	
34	97	Nguyễn Thị Giang	Tỉnh Lào Cai	61	86	73	73	Đạt	
35	102	Vũ Thị Giang	Thành phố Hải Phòng	69	81	84	84	Đạt	
36	103	Chu Văn Giang	Tỉnh Bắc Ninh	68	85	93	93	Đạt	
37	104	Nguyễn Thị Bích Hà	Thành phố Hải Phòng	60	60	72	72	Bỏ thi	Bỏ thi
38	105	Mai Thị Hà	Thành phố Hải Phòng	52	83	83	83	Đạt	
39	107	Nguyễn Việt Hà	Tỉnh Phú Thọ	59	59	66	66	Bỏ thi	Bỏ thi
40	109	Hồ Thủy Ngân Hà	Thành Phố Hà Nội	53	53	72	72	Bỏ thi	Bỏ thi
41	111	Nguyễn Văn Hải	Thành phố Hà Nội	60	95	71	71	Đạt	
42	113	Lê Văn Hải	Tỉnh Quảng Ninh	64	77	94	94	Đạt	
43	115	Nguyễn Thanh Hải	Thành phố Hà Nội	55	56	70	70	Không đạt	
44	119	Đặng Minh Hải	Thành phố Hải Phòng	55	68	61	65	Không đạt	
45	121	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Tỉnh Phú Thọ	53	96	80	80	Đạt	
46	122	Đào Văn Hân	Thành phố Hải Phòng	60	72	70	70	Đạt	
47	129	Phạm Thị Thu Hiền	Thành phố Hải Phòng	63	75	75	75	Đạt	
48	131	Hoàng Quốc Hiệp	Tỉnh Ninh Bình	62	99	82	82	Đạt	
49	133	Lê Đức Hiệp	Tỉnh Hưng Yên	63	85	85	85	Đạt	
50	135	Nguyễn Trung Hiếu	Thành phố Hà Nội	63	95	75	75	Đạt	

51	137	Đàm Huy Hiếu	Thành Phố Hà Nội	59	95	95	95	Đạt	
52	139	Nguyễn Hữu Hiếu	Thành phố Hải Phòng	63	94	87	87	Đạt	
53	143	Phạm Minh Hiếu	Tỉnh Phú Thọ	59	96	77	77	Đạt	
54	149	Vũ Thị Hòa	Thành phố Hải Phòng	65	88	70	70	Đạt	
55	151	Bùi Thị thu Hoài	Thành phố Hải Phòng	63	90	63	86	Đạt	
56	157	Đỗ Huy Hoàng	Tỉnh Quảng Ninh	60	60	62	62	Bỏ thi	Bỏ thi
57	159	Lưu Vĩnh Hoàng	Thành Phố Hà Nội	59	88	71	71	Đạt	
58	160	Phạm Nguyễn Hữu Học	Thành phố Hải Phòng	0	90	0	87	Đạt	
59	162	Nguyễn Thị Hồng	Tỉnh Phú Thọ	52	96	99	99	Đạt	
60	163	Nguyễn Văn Hồng	Thành phố Hà Nội	60	92	78	78	Đạt	
61	167	Đào Thị Hợp	Thành phố Hà Nội	69	88	79	79	Đạt	
62	168	Trần Quốc Huân	Tỉnh Hưng Yên	62	84	74	74	Đạt	
63	169	Nguyễn Thị Huệ	Thành phố Hà Nội	63	86	84	84	Đạt	
64	173	Nguyễn Thị Huệ	Thành phố Hải Phòng	67	81	96	96	Đạt	
65	176	Bùi Công Hùng	Thành phố Hải Phòng	55	55	70	70	Bỏ thi	Bỏ thi
66	177	Nguyễn Văn Hùng	Tỉnh Bắc Ninh	62	78	81	81	Đạt	
67	178	Đặng Văn Hưng	Tỉnh Ninh Bình	56	89	80	80	Đạt	
68	179	Nguyễn Văn Hưng	Thành phố Hải Phòng	68	90	79	79	Đạt	
69	182	Bùi Kim Hương	Thành phố Hà Nội	54	87	66	95	Đạt	
70	183	Nguyễn Thị Hương	Thành phố Hà Nội	55	97	83	83	Đạt	
71	189	Nguyễn Thị Thu Hương	Tỉnh Bắc Ninh	65	98	89	89	Đạt	
72	195	Lê Thị Minh Hường	Thành phố Hà Nội	54	91	73	73	Đạt	
73	198	Nguyễn Văn Hữu	Thành phố Hà Nội	55	60	77	77	Không đạt	
74	199	Lê Quang Huy	Thành phố Hải Phòng	66	90	77	77	Đạt	
75	201	Nguyễn Ngọc Huy	Thành phố Hải Phòng	58	65	77	77	Không đạt	
76	205	Nguyễn Quang Huy	Thành phố Hải Phòng	67	95	92	92	Đạt	
77	206	Nguyễn Thị Huyền	Thành phố Hà Nội	52	85	64	79	Đạt	
78	207	Tô Thị Thanh Huyền	Tỉnh Hưng Yên	58	95	77	77	Đạt	
79	208	Nguyễn Thu Huyền	Thành phố Hà Nội	57	87	65	87	Đạt	
80	209	Lê Thị Huyền	Thành phố Hải Phòng	64	99	78	78	Đạt	

81	211	Bùi Đình Khải	Tỉnh Hưng Yên	61	76	75	75	Đạt	
82	215	Vũ Quốc Khánh	Thành phố Hải Phòng	68	99	80	80	Đạt	
83	217	Hoàng Phú Khánh	Thành phố Hải Phòng	69	99	85	85	Đạt	
84	218	Nguyễn Tài Khoái	Thành phố Hải Phòng	43	99	80	80	Đạt	
85	223	Nguyễn Văn Kiên	Thành phố Hà Nội	55	91	81	81	Đạt	
86	225	Nguyễn Duy Kỳ	Thành phố Hải Phòng	57	100	97	97	Đạt	
87	233	Lâm Đức Liêm	Thành phố Hà Nội	67	88	85	85	Đạt	
88	247	Nguyễn Thị Loan	Tỉnh Hưng Yên	0	100	97	97	Đạt	
89	251	Nguyễn Viết Long	Thành phố Hà Nội	54	91	74	74	Đạt	
90	252	Phạm Văn Long	Thành phố Hải Phòng	61	92	71	71	Đạt	
91	260	Phùng Thị Phương Mai	Tỉnh Phú Thọ	48	97	70	70	Đạt	
92	262	Nguyễn Thanh Mai	Tỉnh Bắc Ninh	41	67	33	73	Không đạt	
93	266	Nguyễn Duy Mạnh	Tỉnh Ninh Bình	47	92	80	80	Đạt	
94	267	Nguyễn Viết Mạnh	Thành phố Hà Nội	67	99	88	88	Đạt	
95	270	Đào Thị Mến	Thành phố Hải Phòng	52	52	84	84	Không đạt	
96	272	Phan Văn Minh	Thành Phố Hà Nội	66	66	75	75	Không đạt	
97	273	Đỗ Xuân Minh	Thành phố Hà Nội	66	66	74	74	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
98	276	Trần Thị My	Tỉnh Ninh Bình	62	62	73	73	Bỏ thi	Bỏ thi
99	280	Bùi Tiến Nam	Tỉnh Hưng Yên	57	57	81	81	Không đạt	
100	284	Đặng Văn Nam	Thành phố Hải Phòng	57	57	67	67	Bỏ thi	Bỏ thi
101	285	Đào Thị huyền Nga	Thành phố Hải Phòng	59	76	79	79	Đạt	
102	294	Hà Đức Ngọc	Thành phố Hải Phòng	62	62	72	72	Không đạt	
103	297	Bùi Thị Ánh Ngọc	Thành phố Hải Phòng	65	87	82	82	Đạt	
104	298	Vũ Thị Nguyên	Tỉnh Ninh Bình	68	93	84	84	Đạt	
105	299	Lê Văn Nguyên	Thành phố Hải Phòng	64	97	89	89	Đạt	
106	301	Lã Thị Nhân	Thành phố Hải Phòng	58	97	76	76	Đạt	
107	303	Nguyễn Thị Nhung	Thành phố Hà Nội	54	92	72	72	Đạt	
108	304	Dương Thị Hồng Nhung	Thành phố Hải Phòng	58	69	70	70	Không đạt	
109	305	Trần Hồng Nhung	Thành phố Hải Phòng	60	73	64	89	Đạt	
110	307	Nguyễn Thị Nhung	Thành Phố Hà Nội	66	72	72	72	Đạt	

111	317	Vũ Trọng Phúc	Thành phố Hải Phòng	67	77	89	89	Đạt	
112	319	Phạm Duy Phương	Tỉnh Quảng Ninh	61	83	74	74	Đạt	
113	320	Nghiêm Thị Phương	Thành phố Hà Nội	67	93	74	74	Đạt	
114	321	Hoàng Văn Phương	Thành phố Hải Phòng	59	92	65	91	Đạt	
115	335	Nguyễn Cao Quảng	Thành phố Hà Nội	39	51	57	57	Không đạt	
116	337	Đinh Xuân Quý	Tỉnh Ninh Bình	67	67	72	72	Bỏ thi	Bỏ thi
117	339	Hoàng Thị Ngọc Quyên	Thành phố Hà Nội	54	92	75	75	Đạt	
118	340	Vũ Thị Quyên	Tỉnh Lào Cai	35	47	88	88	Không đạt	
119	343	Cao Anh Quyết	Thành phố Hà Nội	46	94	67	94	Đạt	
120	344	Hoàng Văn Quyết	Tỉnh Phú Thọ	64	84	85	85	Đạt	
121	345	Đào Thị Thuý Quỳnh	Tỉnh Lào Cai	59	59	55	55	Không đạt	
122	355	Dương Văn Sơn	Thành phố Hải Phòng	66	67	68	72	Không đạt	
123	357	Nguyễn Văn Lĩnh Sơn	Thành phố Hải Phòng	57	87	74	74	Đạt	
124	358	Phùng Thế Tài	Tỉnh Ninh Bình	53	65	70	70	Không đạt	
125	360	Vũ Thị Tâm	Thành phố Hà Nội	68	97	86	86	Đạt	
126	361	Trương Văn Tâm	Thành phố Đà Nẵng	58	68	69	72	Không đạt	
127	363	Phạm Thị Tâm	Tỉnh Quảng Ninh	55	77	73	73	Đạt	
128	364	Nguyễn Đăng Tâm	Tỉnh Ninh Bình	64	64	79	79	Không đạt	
129	369	Lê Anh Thái	Tỉnh Hưng Yên	52	73	76	76	Đạt	
130	370	Bùi Đức Thái	Thành phố Hải Phòng	68	77	77	77	Đạt	
131	373	Nguyễn Mạnh Thắng	Thành phố Hải Phòng	54	67	76	76	Không đạt	
132	374	Nguyễn Văn Thắng	Thành phố Hải Phòng	62	62	76	76	Không đạt	
133	375	Ngô Toàn Thắng	Thành phố Hải Phòng	53	53	62	62	Bỏ thi	Bỏ thi
134	379	Trần Ngọc Thắng	Thành phố Hà Nội	69	100	83	83	Đạt	
135	380	Nguyễn Văn Thắng	Tỉnh Ninh Bình	58	58	74	74	Bỏ thi	Bỏ thi
136	381	Nguyễn Thị Thanh	Thành phố Hà Nội	39	53	60	60	Không đạt	
137	383	Nguyễn Văn Thành	Tỉnh Ninh Bình	58	95	75	75	Đạt	
138	385	Trần Thuý Thảo	Tỉnh Ninh Bình	41	41	65	65	Bỏ thi	Bỏ thi
139	386	Phạm Thu Thảo	Tỉnh Ninh Bình	68	68	67	67	Bỏ thi	Bỏ thi
140	387	Trần Thị Phương Thảo	Thành phố Hải Phòng	42	92	71	71	Đạt	

141	389	Nghiêm Thị Thảo	Thành phố Hải Phòng	47	83	78	78	Đạt	
142	391	Bùi Thị Phương Thảo	Thành phố Hải Phòng	64	97	86	86	Đạt	
143	396	Phạm Đức Thiện	Tỉnh Hưng Yên	63	88	73	73	Đạt	
144	397	Nguyễn Hữu Thiết	Thành phố Hà Nội	42	92	54	91	Đạt	
145	398	Lê Văn Thìn	Thành phố Hà Nội	67	98	87	87	Đạt	
146	399	Nguyễn Văn Thịnh	Thành phố Hà Nội	66	97	78	78	Đạt	
147	400	Lê Văn Thọ	Tỉnh Lào Cai	60	97	73	73	Đạt	
148	401	Đặng Thị Thu	Thành phố Hà Nội	51	76	56	91	Đạt	
149	402	Trần Hoài Thu	Thành phố Hà Nội	55	96	74	74	Đạt	
150	403	Nguyễn Thị Kim Thu	Tỉnh Phú Thọ	61	61	62	62	Bỏ thi	Bỏ thi
151	405	Tô Thị Hoài Thu	Tỉnh Hưng Yên	50	98	74	74	Đạt	
152	407	Nguyễn Thị Thu	Tỉnh Thái Nguyên	56	56	79	79	Bỏ thi	Bỏ thi
153	409	Đoàn Văn Thuận	Thành phố Hải Phòng	50	50	68	68	Bỏ thi	Bỏ thi
154	411	Phạm Thị Thuận	Thành phố Hải Phòng	61	92	64	83	Đạt	
155	414	Lê Thị Thương	Thành phố Hải Phòng	83	83	69	91	Đạt	
156	417	Trần Huy Thương	Tỉnh Bắc Ninh	63	95	81	81	Đạt	
157	418	Trịnh Thu Thuy	Thành phố Hải Phòng	73	73	67	70	Đạt	
158	419	Nguyễn Thanh Thuý	Thành phố Hà Nội	58	92	81	81	Đạt	
159	424	Đinh Thị Thúy	Tỉnh Hưng Yên	69	99	67	96	Đạt	
160	433	Đỗ Thị Thủy	Thành phố Hải Phòng	69	97	95	95	Đạt	
161	434	Đỗ Văn Thụy	Thành phố Hải Phòng	66	66	71	71	Bỏ thi	Bỏ thi
162	436	Nguyễn Từ Thủy Tiên	Thành phố Hà Nội	51	92	72	72	Đạt	
163	439	Phạm Thị Tình	Thành phố Hải Phòng	56	95	65	93	Đạt	
164	441	Nguyễn Văn Toàn	Thành phố Hải Phòng	66	66	82	82	Bỏ thi	Bỏ thi
165	443	Nguyễn Quang Tôn	Tỉnh Hưng Yên	65	76	75	75	Đạt	
166	448	Lê Hồng Trang	Hồng Kông	61	98	82	82	Đạt	
167	451	Đỗ Cao Trí	Thành phố Hồ Chí Minh	45	45	69	69	Bỏ thi	Bỏ thi
168	452	Nguyễn Văn Trọng	Thành phố Hải Phòng	64	64	63	63	Bỏ thi	Bỏ thi
169	453	Nguyễn Văn Trọng	Thành phố Hải Phòng	61	61	80	80	Không đạt	
170	454	Hoàng Khánh Trung	Tỉnh Quảng Ninh	0	0	65	65	Bỏ thi	Bỏ thi

171	457	Phạm Tất Trường	Thành phố Hải Phòng	69	94	81	81	Đạt	
172	459	Vũ Đình Nam Trường	Thành phố Hải Phòng	65	91	91	91	Đạt	
173	463	Hoàng Minh Tú	Thành phố Hải Phòng	60	99	70	70	Đạt	
174	465	Phạm Văn Tuấn	Tỉnh Hưng Yên	58	92	73	73	Đạt	
175	467	Dương Mạnh Tùng	Thành phố Hà Nội	53	53	65	65	Bỏ thi	Bỏ thi
176	469	Đỗ Doãn Tùng	Liên bang Nga	56	96	76	76	Đạt	
177	470	Thân Thanh Tùng	Thành phố Hải Phòng	61	91	77	77	Đạt	
178	473	Phạm Văn Tùng	Thành phố Hải Phòng	59	89	78	78	Đạt	
179	475	Đào Tùng	Thành phố Hải Phòng	60	99	80	80	Đạt	
180	480	Lê Thị Tuyết	Thành phố Hà Nội	62	91	91	91	Đạt	
181	481	Trần Thị Vân	Tỉnh Thái Nguyên	61	99	96	96	Đạt	
182	488	Tô Trung Việt	Thành phố Hải Phòng	59	92	74	74	Đạt	
183	489	Nguyễn Hoàng Việt	Thành phố Hải Phòng	52	88	77	77	Đạt	
184	491	Hoàng Quốc Việt	Thành phố Hải Phòng	59	98	86	86	Đạt	
185	495	Nguyễn Trần Vũ	Thành phố Hà Nội	63	98	81	81	Đạt	
186	496	Hoàng Phú Vững	Thành phố Hải Phòng	69	95	87	87	Đạt	
187	497	Vũ Đình Vương	Thành phố Hải Phòng	64	92	85	85	Đạt	
188	500	Nguyễn Thị Xuân	Thành phố Hà Nội	39	78	48	54	Không đạt	
189	505	Nguyễn Thị Yên	Tỉnh Bắc Ninh	56	98	83	83	Đạt	
190	511	Bùi Đức An	Thành phố Hải Phòng	63	77	90	90	Đạt	
191	512	Nguyễn Hồng An	Thành phố Hải Phòng	51	51	56	56	Bỏ thi	Bỏ thi
192	516	Bùi Thế Anh	Thành phố Hải Phòng	60	75	68	73	Đạt	
193	517	Ngô Thị Hà Anh	Thành phố Hải Phòng	63	63	60	60	Không đạt	
194	528	Quách Thái Bắc	Thành phố Hà Nội	64	80	87	87	Đạt	
195	544	Nguyễn Đình Chính	Thành phố Hải Phòng	59	59	62	62	Bỏ thi	Bỏ thi
196	545	Nguyễn Văn Chung	Thành Phố Hà Nội	60	60	74	74	Bỏ thi	Bỏ thi
197	548	Vũ Văn Chương	Thành phố Hải Phòng	56	88	60	85	Đạt	
198	563	Bùi Văn Dân	Thành phố Hải Phòng	79	79	68	90	Đạt	
199	571	Hoàng Văn Điện	Thành phố Hải Phòng	60	67	72	72	Không đạt	
200	574	Hoàng Vũ Hiệp	Thành phố Hải Phòng	67	83	66	88	Đạt	
201	597	Trần Thái Dương	Thành phố Hải Phòng	66	66	65	73	Không đạt	
202	601	Bùi Văn Duy	Thành phố Hải Phòng	62	72	65	74	Đạt	

203	610	Trần Thị Giang	Thành phố Hải Phòng	66	66	78	78	Không đạt	
204	617	Đặng Thị Hà	Thành phố Hải Phòng	73	73	69	73	Đạt	
205	620	Nguyễn Thị Hải	Tỉnh Đắk Lắk	58	66	71	71	Không đạt	
206	623	Nguyễn Thanh Hải	Thành phố Hải Phòng	63	93	84	84	Đạt	
207	627	Nguyễn Thị Hằng	Thành phố Hải Phòng	0	78	72	72	Đạt	
208	631	Nguyễn Thị Hằng	Thành Phố Hà Nội	60	64	74	74	Không đạt	
209	641	Vũ Ngọc Hậu	Thành phố Hải Phòng	51	51	58	58	Bỏ thi	Bỏ thi
210	656	Đặng Như Hoa	Thành phố Hà Nội	55	55	71	71	Bỏ thi	Bỏ thi
211	663	Nguyễn Ngọc Hòa	Thành phố Hải Phòng	57	82	57	94	Đạt	
212	665	Hoàng Thị Hòa	Thành phố Hà Nội	83	83	58	73	Đạt	
213	671	Trần Thành Hoàng	Thành phố Hải Phòng	62	75	74	74	Đạt	
214	680	Nguyễn Thị Hồng	Thành phố Hải Phòng	62	94	82	82	Đạt	
215	681	Phạm Tiêu Huân	Thành phố Hải Phòng	61	78	74	74	Đạt	
216	691	Nguyễn Văn Hưng	Thành phố Hải Phòng	63	93	80	80	Đạt	
217	701	Trần Thị Thu Hương	Thành Phố Hà Nội	69	82	70	70	Đạt	
218	706	Đào Văn Hương	Tỉnh Ninh Bình	51	95	77	77	Đạt	
219	707	Vũ Văn Hường	Thành phố Hải Phòng	64	99	94	94	Đạt	
220	722	Trương Đình Khải	Thành phố Hải Phòng	42	99	64	90	Đạt	
221	727	Lương Minh Khánh	Thành phố Hà Nội	59	59	75	75	Bỏ thi	Bỏ thi
222	728	Phạm Phú Khánh	Thành phố Hải Phòng	66	94	73	73	Đạt	
223	732	Phạm Gia Khánh	Tỉnh Quảng Ninh	58	100	77	77	Đạt	
224	734	Trần Thanh Khoa	Thành phố Hải Phòng	69	92	75	75	Đạt	
225	735	Trần Duy Khuê	Thành phố Hải Phòng	65	97	73	73	Đạt	
226	739	Trần Duy Kiên	Thành phố Hải Phòng	61	96	82	82	Đạt	
227	771	Bùi Thanh Long	Thành phố Hải Phòng	66	99	88	88	Đạt	
228	779	Lý Hà Ly	Thành phố Hà Nội	66	90	76	76	Đạt	
229	787	Bùi Thị Mai	Thành phố Hải Phòng	61	61	66	66	Bỏ thi	Bỏ thi
230	789	Lê Thị Mơ Mận	Tỉnh Phú Thọ	63	63	77	77	Bỏ thi	Bỏ thi
231	791	Nguyễn Đức Mạnh	Thành phố Hải Phòng	62	87	72	72	Đạt	
232	793	Nguyễn Văn Mạnh	Thành phố Hải Phòng	59	99	79	79	Đạt	
233	836	Nguyễn Thị Nhung	Tỉnh Phú Thọ	65	65	70	70	Không đạt	
234	849	Lưu Văn Phương	Tỉnh Hưng Yên	86	86	69	88	Đạt	
235	867	Lê Hồng Quân	Tỉnh Hưng Yên	68	83	96	96	Đạt	
236	898	Nguyễn Đình Thân	Thành Phố Hà Nội	66	93	82	82	Đạt	
237	906	Lương Vĩnh Thành	Thành phố Hải Phòng	62	75	68	78	Đạt	

238	919	Nguyễn Văn Thảo	Thành phố Hải Phòng	64	88	87	87	Đạt	
239	923	Doãn Thi	Thành phố Hải Phòng	67	98	83	83	Đạt	
240	924	Phạm Văn Thiện	Thành phố Hải Phòng	67	96	56	56	Không đạt	
241	926	Nguyễn Văn Thiệu	Thành phố Hải Phòng	98	98	66	89	Đạt	
242	933	Lê Thị Hoài Thu	Thành phố Hải Phòng	64	100	72	72	Đạt	
243	935	Vũ Thị Thu	Thành phố Hải Phòng	67	89	71	71	Đạt	
244	940	Mai Công Thương	Thành phố Hải Phòng	66	77	0	84	Đạt	
245	941	Hoàng Thị Thương	Thành phố Hà Nội	86	86	59	78	Đạt	
246	945	Bùi Thị Thúy	Thành phố Hải Phòng	65	93	81	81	Đạt	
247	947	Trần Thị Thúy	Thành phố Hải Phòng	46	61	82	82	Không đạt	
248	951	Hoàng Lê Thủy	Thành phố Hải Phòng	56	56	75	75	Không đạt	
249	952	Đào Thanh Thủy	Tỉnh Hưng Yên	81	81	57	84	Đạt	
250	953	Nguyễn Kim Thụy	Thành phố Hải Phòng	33	55	51	84	Không đạt	
251	954	Trần Thanh Tiến	Thành phố Hải Phòng	56	72	67	68	Không đạt	
252	955	Trần Văn Tiến	Thành phố Hải Phòng	68	85	72	72	Đạt	
253	959	Lê Thị Tinh	Tỉnh Thanh Hóa	0	94	0	70	Đạt	
254	960	Phạm Thị Toan	Thành phố Hải Phòng	76	76	69	78	Đạt	
255	963	Ngô Văn Toàn	Thành phố Hải Phòng	64	90	69	85	Đạt	
256	971	Hoàng Thị Thu Trang	Thành phố Hải Phòng	68	68	78	78	Không đạt	
257	973	Đỗ Văn Tráng	Tỉnh Bắc Ninh	59	93	69	72	Đạt	
258	977	Nguyễn Văn Trung	Thành phố Hải Phòng	64	99	74	74	Đạt	
259	978	Nguyễn Kim Trung	Thành phố Hải Phòng	62	96	68	79	Đạt	
260	982	Nguyễn Đăng Trường	Thành phố Hải Phòng	77	77	64	95	Đạt	
261	986	Lê Anh Tú	Thành phố Hải Phòng	41	81	62	70	Đạt	
262	998	Tô Ngọc Tuất	Thành phố Hà Nội	79	79	0	86	Đạt	
263	1000	Phạm Văn Tùng	Thành phố Hải Phòng	63	88	54	67	Không đạt	
264	1002	Phạm Thanh Tùng	Thành phố Hải Phòng	62	92	68	89	Đạt	
265	1004	Phạm Văn Tuyển	Thành phố Hải Phòng	58	91	66	86	Đạt	
266	1006	Vũ Thu Vân	Tỉnh Ninh Bình	68	86	81	81	Đạt	
267	1007	Chữ Thị Tuyết Vân	Thành phố Hà Nội	55	98	70	70	Đạt	
268	1010	Nguyễn Lan Vi	Tỉnh Sơn La	53	92	78	78	Đạt	
269	1011	Nguyễn Công Vĩ	Thành phố Hải Phòng	26	26	43	43	Bỏ thi	Bỏ thi
270	1013	Vũ Văn Việt	Thành phố Hải Phòng	57	57	68	68	Bỏ thi	Bỏ thi
271	1016	Nguyễn Mạnh Vinh	Thành phố Hà Nội	62	99	66	86	Đạt	
272	1018	Trịnh Quang Vui	Thành phố Hải Phòng	68	86	75	75	Đạt	